CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
**CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG I**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:242 /KLVI-QLR

*Quảng Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

V/v cấp dự báo cháy rừng

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn.

## I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI TIẾT

Theo dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, thời tiết khu vực Bắc Bộ từ ngày 03/11/2026 - 09/11/2026, cụ thể như sau:

### 1. Nhiệt độ

- Các tỉnh phía Tây Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:
  + Cao nhất: $33,2^0$ C;
  + Thấp nhất: $11,3^0$ C;
- Các tỉnh phía Đông Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình:
  + Cao nhất: $31,6^0$ C;
  + Thấp nhất: $10,2^0$ C;

### 2. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng kỳ (khoảng 72,3 % - 74 %).

### 3. Mưa

Dự báo thời tiết miền Bắc trong 7 ngày tới; do chịu ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh tăng cường liên tiếp, trời nhiều mây, mưa rào và dông rải rác, đồng thời nhiệt độ giảm dần.

## II. CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG

Đa số các khu vực trong vùng: 04 ngày đầu tuần, cấp dự báo cháy rừng duy trì ở Cấp III đến Cấp V *(Cấp cao, dễ xảy ra cháy rừng đến Cấp cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng)*; 03 ngày cuối tuần cấp dự báo cháy rừng giảm xuống Cấp I đến Cấp II (*Cấp ít có khả năng xảy ra cháy rừng đến Cấp có khả năng xảy ra cháy rừng*).

Riêng khu vực các trạm: Sông Mã và Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La) trong tuần cấp dự báo cháy rừng duy trì ở Cấp V (*Cấp cực kỳ nguy hiểm, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng).* Cụ thể như sau:

| STT | TỈNH | KHU VỰC TRẠM | TRẠNG THÁI RỪNG | Cấp dự báo cháy rừng từ ngày 03/11/2026 – 09/11/2026 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Ngày 03 | Ngày 04 | Ngày 05 | Ngày 06 | Ngày 07 | Ngày 08 | Ngày 09 |
| 1 | Lai Châu | Mường Tè | | V | V | V | I | I | I | I |
| 2 | | Sìn Hồ | | II | II | III | III | I | I | I |
| 3 | | TP. Lai Châu (Cũ) | | V | V | V | V | I | I | I |
| 4 | | Than Uyên | | V | V | V | V | I | I | II |
| 5 | Điện Biên | Mường Lay | | V | I | I | I | I | I | I |
| 6 | | Tuần Giáo | | V | V | V | V | I | I | I |
| 7 | | Pha Đin | | V | V | V | V | I | I | I |
| 8 | | Điện Biên | | I | II | II | III | I | I | II |
| 9 | Sơn La | Quỳnh Nhai | | V | V | V | V | V | V | V |
| 10 | | TP. Sơn La (Cũ) | | V | V | V | V | I | I | I |
| 11 | | Sông Mã | | V | V | V | V | V | V | V |
| 12 | | Cò Nòi | | V | V | V | V | I | I | I |
| 13 | | Yên Châu | | V | V | V | V | I | I | I |
| 14 | | Bắc Yên | | III | III | III | III | I | I | I |
| 15 | | Phù Yên | | V | V | V | V | I | I | I |
| 16 | | Mộc Châu | | IV | IV | IV | IV | I | I | I |
| 17 | Lào Cai | Lào Cai | | V | V | V | V | I | I | I |
| 18 | | Bắc Hà | | II | II | I | I | I | I | I |
| 19 | | Sa Pa | | I | I | I | II | II | II | II |
| 20 | | Phố Ràng | | V | V | V | I | I | I | I |
| 21 | | Mù Cang Chải | | IV | V | V | V | I | I | I |
| 22 | | Văn Chấn | | IV | IV | IV | I | I | I | I |
| 23 | | Lục Yên | | V | V | V | I | I | I | I |
| 24 | | TP. Yên Bái (Cũ) | | IV | IV | IV | I | I | I | I |
| 25 | Tuyên Quang | Ha Giang | Nhóm trạng thái rừng III | I | I | I | I | I | I | I |
| 26 | | | Nhóm trạng thái rừng II | I | I | I | I | I | I | I |
| 27 | | | Nhóm trạng thái rừng I | I | I | I | I | I | I | I |
| 28 | | Hoàng Su Phì | Nhóm trạng thái rừng III | I | I | I | I | I | I | I |
| 29 | | | Nhóm trạng thái rừng II | I | I | I | I | I | I | I |
| 30 | | | Nhóm trạng thái rừng I | I | I | I | I | I | I | I |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | | Bắc Mê | Nhóm trạng thái rừng III | I | I | I | I | I | I | I |
| 32 | | | Nhóm trạng thái rừng II | I | I | I | I | I | I | I |
| 33 | | | Nhóm trạng thái rừng I | I | I | I | I | I | I | I |
| 34 | | Bắc Quang | Nhóm trạng thái rừng III | I | I | I | I | I | I | I |
| 35 | | | Nhóm trạng thái rừng II | I | I | I | I | I | I | I |
| 36 | | | Nhóm trạng thái rừng I | I | I | I | I | I | I | I |
| 37 | | TP. Tuyên Quang (Cũ) | Nhóm trạng thái rừng III | V | V | V | I | I | I | I |
| 38 | | | Nhóm trạng thái rừng II | V | V | V | I | I | I | I |
| 39 | | | Nhóm trạng thái rừng I | V | V | V | I | I | I | I |
| 40 | | Hàm Yên | Nhóm trạng thái rừng III | IV | IV | IV | I | I | I | I |
| 41 | | | Nhóm trạng thái rừng II | IV | IV | IV | I | I | I | I |
| 42 | | | Nhóm trạng thái rừng I | III | IV | IV | I | I | I | I |
| 43 | | Chiêm Hóa | Nhóm trạng thái rừng III | V | V | V | I | I | I | I |
| 44 | | | Nhóm trạng thái rừng II | V | V | V | I | I | I | I |
| 45 | | | Nhóm trạng | V | V | V | I | I | I | I |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | thái rừng I | | | | | | | |
| 46 | Quảng Ninh | Móng Cái | | II | II | II | II | II | I | II |
| 47 | | Quảng Hà | | II | II | II | II | II | I | II |
| 48 | | Tiên Yên | | II | II | II | II | II | I | II |
| 49 | | Cô Tô | | I | I | I | I | II | I | I |
| 50 | | Cửa Ông | | II | II | I | I | II | I | II |
| 51 | | Bái Cháy | | II | II | II | II | II | II | II |
| 52 | | Uông Bí | | II | II | II | II | II | II | II |
| 53 | Bắc Ninh | Hiệp Hòa | | II | II | II | I | I | I | I |
| 54 | | Lục Ngạn | | V | V | V | I | I | I | I |
| 55 | | Sơn Động | | V | V | V | V | V | V | I |
| 56 | | TP. Bắc Giang (Cũ) | | V | V | V | I | I | I | I |
| 57 | | TP. Bắc Ninh (Cũ) | | V | V | V | I | I | I | I |
| 58 | Thái Nguyên | Chợ Rã | | V | V | V | I | I | I | I |
| 59 | | Ngân Sơn | | II | II | II | I | I | I | I |
| 60 | | Bắc Kạn | | V | V | V | I | I | I | I |
| 61 | | TP. Thái Nguyên (Cũ) | | II | III | III | I | I | I | I |
| 62 | | Định Hóa | | V | V | V | I | I | I | I |
| 63 | Lạng Sơn | Thất Khê | | IV | IV | IV | IV | I | I | I |
| 64 | | TP. Lạng Sơn (Cũ) | | V | V | V | V | V | V | I |
| 65 | | Mẫu Sơn | | III | III | III | III | IV | IV | I |
| 66 | | Bắc Sơn | | V | V | V | V | I | I | I |
| 67 | | Hữu Lũng | | V | V | V | I | I | I | I |
| 68 | | Đình Lập | | II | II | II | III | III | III | I |

**Ghi chú:**

**I. Tỉnh Lai Châu**

1. Khu vực Trạm Mường Tè gồm các xã, phường: Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Mù Cả, Tà Tổng, Lê Lợi, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum, Pa Tần, Bum Nưa, Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Dào San, Si Lở Lầu và xã Khổng Lào.

2. Khu vực Trạm Sìn Hồ gồm các xã, phường: Tủa Sín Chải, Sìn Hồ, Hồng Thu, Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Cuổi và xã Nậm Mạ.

3. Khu vực Trạm TP. Lai Châu (Cũ) gồm các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết.

4. Khu vực Trạm Than Uyên gồm các xã, phường: Mường Kim, Khoen On, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Nậm Sỏ, Tân Uyên, Mường Khoa, Bản Bo, Bình Lư, Tả Lèng và xã Khun Há.

**II. Tỉnh Điện Biên**

1. Khu vực Trạm Mường Lay gồm các xã, phường: Mường Lay, Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm, Nà Hỳ, Mường Chà, Nà Bủng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn và xã Mường Pồn.

2. Khu vực Trạm Tuần Giáo gồm các xã: Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Mường Ảng, Nà Tấu, Búng Lao và xã Mường Lạn.

3. Khu vực Trạm Điện Biên gồm các xã, phường: Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Điện Biên Phủ, Mường Thanh, Na Son, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tìa Dình và xã Phình Giàng.

**III. Tỉnh Sơn La**

1. Khu vực Trạm Quỳnh Nhai gồm các xã, phường: Mường Chiên, Mường Giôn, Mường Sại và xã Quỳnh Nhai.

2. Khu vực Trạm TP. Sơn La (Cũ) gồm các xã, phường: Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh và phường Tô Hiệu.

3. Khu vực Trạm Sông Mã gồm các xã, phường: Bó Sinh, Chiềng Khương, Mường Hung, Chiềng Khoong, Mường Lầm, Nậm Ty, Sông Mã, Huổi Một và xã Chiềng Sơ.

4. Khu vực Trạm Cò Nòi gồm các xã, phường: Chiềng Mai, Mai Sơn, Phiêng Pằn, Chiềng Mung, Phiêng Cằm, Mường Chanh, Tà Hộc và xã Chiềng Sung.

5. Khu vực Trạm Yên Châu gồm các xã, phường: Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng và xã Yên Sơn.

6. Khu vực Trạm Bắc Yên gồm các xã, phường: Suối Tọ, Phiêng Khoài và xã Mường Bám.

7. Khu vực Trạm Phù Yên gồm các xã, phường: Pắc Ngà, Chiềng Sại, Phù Yên, Gia Phù, Tường Hạ, Mường Cơi, Mường Bang, Tân Phong, Kim Bon và xã Tân Yên.

8. Khu vực Trạm Mộc Châu gồm các xã, phường: Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, Đoàn Kết, Lóng Sập và xã Chiềng Sơn.

**IV. Tỉnh Lào Cai**

1. Khu vực Trạm Lào Cai gồm các xã, phường: Cốc San, Hợp Thành, Phong Hải, Xuân Quang, Bảo Thắng, Gia Phú, Tằng Loỏng, Võ Lao, Khánh Yên, Văn Bàn, Dương Quỳ, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Chày, Cam Đường và phường Lào Cai.

2. Khu vực Trạm Bắc Hà gồm các xã, phường: Si Ma Cai, Sín Chéng, Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu, Cao Sơn, Cốc Lầu, Bảo Nhai, Bản Liền, Bắc Hà và xã Lùng Phình.

3. Khu vực Trạm Sa Pa gồm các xã, phường: Tả Van, Tả Phìn, Mường Bo, Bản Hồ Mường Hum, Dền Sáng, Y Tý, A Mú Sung, Trịnh Tường, Bản Xèo, Bát Xát, và phường Sa Pa.

4. Khu vực Trạm Phố Ràng gồm các xã, phường: Bảo Yên, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Xuân Hòa, Phúc Khánh và xã Bảo Hà.

5. Khu vực Trạm Mù Cang Chải gồm các xã, phường: Khao Mang, Mù Cang Chải, Púng Luông, Tú Lệ và xã Gia Hội.

6. Khu vực Trạm Văn Chấn gồm các xã, phường: Trạm Tấu, Hạnh Phúc, Phình Hồ, Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia, xã Liên Sơn, Sơn Lương, Văn Chấn, Thượng Bằng La, Chấn Thịnh, Nghĩa Tâm và xã Hưng Khánh.

7. Khu vực Trạm Lục Yên gồm các xã, phường: Đông Cuông, Tân Hợp, Lâm Giang, Châu Quế, Phong Dụ Hạ, Lục Yên, Tân Lĩnh, Khánh Hòa, Phúc Lợi, Mường Lai, Cảm Nhân, Mậu A và xã Yên Thành.

8. Khu vực Trạm TP. Yên Bái (cũ) gồm các xã, phường: Văn Phú, Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu, Xã Thác Bà, Xã Yên Bình, Xã Bảo Ái, Mỏ Vàng, Tân Hợp, Yên Thành, Trấn Yên, Lương Thịnh, Việt Hồng và xã Quy Mông.

**V. Tỉnh Tuyên Quang**

1. Khu vực Trạm Hà Giang gồm các xã, phường: Ngọc Đường, Hà Giang 1, Hà Giang 2; Lao Chải, Thanh Thủy, Phú Linh, Linh Hồ, Bạch Ngọc, Vị Xuyên, Việt Lâm, Minh Tân, Thuận Hòa, Tùng Bá, Thượng Sơn và xã Cao Bồ.

2. Khu vực Trạm Hoàng Su Phì gồm các xã, phường: Hồ Thầu, Nậm Dịch, Hoàng Su Phì, Tân Tiến, Thàng Tín, Bản Máy, Pờ Ly Ngài, Xín Mần, Pà Vầy Sủ, Nấm Dẩn, Trung Thịnh, Khuôn Lùng và xã Quảng Nguyên.

3. Khu vực Trạm Bắc Mê gồm các xã, phường: Yên Cường, Đường Hồng, Bắc Mê, Minh Ngọc, Giáp Trung, Minh Sơn, Thắng Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Đường Thượng, Ngọc Long, Lùng Tám, Cán Tỷ, Nghĩa Thuận, Quản Bạ và xã Tùng Vài.

4. Khu vực Trạm Bắc Quang gồm các xã, phường: Tân Quang, Đồng Tâm, Liên Hiệp, Bằng Hành, Bắc Quang, Hùng An, Vĩnh Tuy, Đồng Yên, Tiên Nguyên, Tiên Yên, Xuân Giang, Bằng Lang, Yên Thành, Quang Bình, Tân Trịnh, và xã Thông Nguyên.

5. Khu vực Trạm TP.Tuyên Quang (Cũ) gồm các xã, phường: Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Tường và xã Bình Thuận (Vùng 3).

6. Khu vực Trạm Hàm Yên gồm các xã, phường: Yên Phú, Bạch Xa, Phù Lưu, Hàm Yên, Bình Xa, Thái Sơn và xã Thái Hòa (Vùng 1).

7. Khu vực Trạm Chiêm Hóa gồm các xã, phường: Tân Mỹ, Yên Lập, Tân An, Chiêm Hóa, Hòa An, Kiên Đài, Tri Phú, Kim Bình, Yên Nguyên, Côn Lôn, Yên Hoa, Thượng Nông, Hồng Thái, Nà Hang, Thượng Lâm, Lâm Bình, Minh Quang và xã Bình An (Vùng 1).

8. Khu vực Yên Sơn, Sơn Dương gồm các xã, phường: Minh Thanh, Sơn Dương, Bình Ca, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn, Đông Thọ, Hùng Lợi, Trung Sơn, Thái Bình, Tân Long, Xuân Vân, Lực Hành, Yên Sơn, Tân Trào và xã Nhữ Khê (Vùng 2).

**VI. Quảng Ninh**

1. Khu vực Trạm Móng Cái gồm các xã, phường: Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thực, Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3.

2. Khu vực Trạm Quảng Hà gồm các xã, phường: Quảng Tân, Đầm Hà, Quảng Hà, Đường Hoa, Cái Chiên và xã Quảng Đức.

3. Khu vực Trạm Tiên Yên gồm các xã, phường: Hải Hòa, Tiên Yên, Điền Xá, Đông Ngũ, Hải Lạng, Lương Minh, Ba Chẽ, Hoành Mô, Lục Hồn và xã Bình Liêu.

4. Khu vực Trạm Cô Tô: Đặc khu Cô Tô.

5. Khu vực Trạm Cửa Ông gồm các xã, phường, đặc khu: Mông Dương, Quang Hanh, Cẩm Phả, Cửa Ông và đặc khu Vân Đồn.

6. Khu vực Trạm Bãi Cháy gồm các xã, phường: Quảng La, Thống Nhất, Kỳ Thượng, Đông Mai, Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An, Phong Cốc, Liên Hòa, Tuần Châu, Việt Hưng, Bãi Cháy, Hà Tu, Hà Lầm, Cao Xanh, Hồng Gai, Hạ Long và phường Hoành Bồ.

7. Khu vực Trạm Uông Bí gồm các xã, phường: An Sinh, Đông Triều, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế, Yên Tử, Vàng Danh và phường Uông Bí.

**VII. Bắc Ninh**

1. Khu vực Trạm Lục Ngạn gồm 18 xã, phường (Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài, Nam Dương, Kiên Lao, Chũ, Phượng Sơn). (Vùng 1A).

2. Khu vực Trạm Sơn Động gồm 09 xã, phường (Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn, Tuấn Đạo, Biển Động) (Vùng 1B).

3. Khu vực Trạm TP Bắc Giang (cũ) gồm 12 xã, phường (Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Dĩnh, Tiên Lục, Đồng Việt, Bắc Giang, Đa Mai, Tiền Phong, Tân An, Yên Dũng, Cảnh Thuỵ). (Vùng 2).

4 Khu vực Trạm Hiệp Hòa gồm 17 xã, phường (Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hoà, Quang Trung, Tân Yên, Hợp Thịnh, Hiệp Hoà, Hoàng Vân, Tự Lạn, Việt Yên, Nếnh, Vân Hà, Yên Thế, Bố Hạ, Đồng Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến). **(**Vùng 3**).**

5. Khu vực Trạm TP Bắc Ninh (Cũ) gồm 14 xã, phường (Đào Viên, Bồng Lai, Hạp Lĩnh, Kinh Bắc, Nam Sơn, Tam Sơn, Vũ Ninh, Đông Cứu, Đại Đồng, Liên Bão, Phật Tích, Phù Lãng, Tân Chi, Tiên Du). (Vùng 4).

**VIII. Thái Nguyên**

1. Khu vực Trạm TP. Thái Nguyên (Cũ) gồm các xã, phường: Tân Cương, Thành Công, Phú Bình, Tân Thành, Điềm Thụy, Kha Sơn, Tân Khánh, Phan Đình Phùng, Linh Sơn, Tích Lương, Gia Sàng, Quyết Thắng, Quan Triều, Sông Công, Bá Xuyên, Bách Quang, Phổ Yên, Vạn Xuân, Trung Thành và xã Phúc Thuận. (Vùng 1).

2. Khu vực Trạm Định Hóa gồm các xã, phường: Đại Phúc, Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ, Võ Nhai, Dân Tiến, Nghinh Tường, Thần Sa, La Hiên, Tràng Xá, Phú Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành, Đồng Hỷ, Quang Sơn, Trại Cau, Nam Hòa, Văn Hán, Văn Lăng, Đại Từ, Đức Lương, Phú Thịnh, La Bằng, Phú Lạc, An Khánh, Quân Chu, Vạn Phú, Phú Xuyên và xã Sảng Mộc. (Vùng 2).

3. Khu vực Trạm Chợ Rã gồm các xã, phường: Ba Bể, Chợ Rã, Phúc Lộc, Thượng Minh, Đồng Phúc, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, Phủ Thông, Cẩm Giàng, Vĩnh Thông, Bạch Thông, Phong Quang, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình, Tân Kỳ, Đức Xuân, Bắc Kạn, Thanh Mai. (Vùng 3).

4. Khu vực Trạm Ngân Sơn gồm các xã, phường: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Xuân Dương, Côn Minh và xã Thượng Quan. (Vùng 4).

5. Khu vực Trạm Bắc Kạn gồm các xã, phường: Đức Xuân, Bắc Kạn.

**IX. Lạng Sơn**

1. Khu vực Trạm Thất Khê gồm các xã, phường: Thất Khê, Đoàn Kết, Tân Tiến, Tràng Định, Quốc Khánh, Kháng Chiến và xã Quốc Việt (Vùng 3).

2. Khu vực Trạm TP. Lạng Sơn (Cũ) gồm các xã, phường: Đông Kinh, Lương Văn Tri, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Cao Lộc, Đồng Đăng, Công Sơn, Ba Sơn, Văn Lãng, Na Sầm, Văn Quan và xã Tân Đoàn (Vùng 4).

3. Khu vực Trạm Mẫu Sơn gồm các xã, phường: Mẫu Sơn, Lộc Bình, Na Dương, Lợi Bác, Xuân Dương, Khuất Xá và xã Thống Nhất (Vùng 5).

4. Khu vực Trạm Bắc Sơn gồm các xã, phường: Bắc Sơn, Vũ Lăng, Hưng Vũ, Nhất Hòa, Vũ Lễ, Tân Tri, Điềm He, Yên Phúc và xã Tri Lễ (Vùng 2).

5. Khu vực Trạm Hữu Lũng gồm các xã, phường: Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh, Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý, Bằng Mạc và xã Vạn Linh (Vùng 1).

6. Khu vực Trạm Đình Lập gồm các xã, phường: Đình Lập, Thái Bình, Châu Sơn và xã Kiên Mộc (Vùng 5)./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (để báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Website Chi cục Kiểm lâm Vùng I;
- Lưu: VT, QLR (12b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**
**P. CHI CỤC TRƯỞNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC KIỂM LÂM VÙNG I
CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

**Nguyễn Văn Trang**